

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2019**

**GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 25/08/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành bản Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 4422/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ công văn số 7313/STC-TCHCSN ngày 10/12/2017 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện dự toán năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 535/QĐ-STC ngày 11/12/2018 của Giám đốc Sở Tài chính về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước và chi ngân sách địa phương năm 2019;

Căn cứ Thông báo số 865/TB-SKHĐT ngày 11/12/2018 của Sở Kế hoạch và đầu tư về việc thông báo chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 435/QĐ-SKHCHN ngày 19/12/2018 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ về việc giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2019;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 của Khối Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ, Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng và các đơn vị trực thuộc: Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học công nghệ, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KHCHN trực thuộc Sở Khoa

học và Công nghệ, Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng trực thuộc Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ, Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học công nghệ, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KHCN, Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Sở Tài chính;
  - KBNN tỉnh ĐN;
  - Các Phó Giám Đốc;
  - Đơn vị sử dụng NS;
  - Lưu: VT, P.KHTC.
- D/KHTC012-congkhaidutoan/7b

**GIÁM ĐỐC**



Người ký: Sở  
Khoa học và  
Công nghệ

Thời gian ký:  
13.02.2019

16:38:15 +07:00

**Nguyễn Thị Hoàng**

## DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 30/QĐ-SKH-CN ngày 01/02/2019 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc công bố công khai dự toán NSNN năm 2019)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	TÊN DỰ ÁN	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2019
	<b>Chủ đầu tư: Sở KH và CN</b>	<b>28.000,000</b>
1	Dự án Trung tâm Chiếu xạ - Sở KH-CN	28.000,000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>28.000,000</b>

## DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 30/QĐ-SKHHCN ngày 01/02/2019 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc công bố công khai dự toán NSNN năm 2019)

Đơn vị tính: 1.000đ

Nội dung	Loại khoản	MN NS	Tổng dự toán được giao	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đã phân bổ	Dự toán chưa phân bổ	Chi tiết theo đơn vị sử dụng	
							Văn phòng Sở KH&CN	Chi cục tiêu chuẩn đo lượng chất lượng
<b>I. Thu chi ngân sách về phí, lệ phí</b>			<b>550.000</b>	<b>0</b>	<b>550.000</b>		<b>400.000</b>	<b>150.000</b>
1. Số thu phí, lệ phí			350.000		350.000		200.000	150.000
2. Thu xử phạt vi phạm hành chính			200.000		200.000		200.000	
3. Số phí, lệ phí nộp ngân sách			390.000		390.000		240.000	150.000
4. Số được để lại sử dụng			160.000		160.000		160.000	0
+ Trích nguồn cải cách tiền lương			0		0		0	0
+ Bổ sung kinh phí hoạt động			160.000		160.000		160.000	0
<b>II. Dự toán chi NSNN</b>			<b>103.514.000</b>	<b>2.403.000</b>	<b>89.614.000</b>	<b>11.497.000</b>	<b>97.812.000</b>	<b>3.299.000</b>
<b>1. Quản lý nhà nước</b>	<b>340/341</b>	<b>13</b>	<b>7.928.000</b>	<b>293.000</b>	<b>7.635.000</b>		<b>6.600.000</b>	<b>1.035.000</b>
Chi con người (VP Sở 45 biên chế; Chi cục TĐC 10 biên chế)			5.003.000	0	5.003.000		4.373.000	630.000
Chi hoạt động (VP Sở 55 triệu đồng; Chi cục TĐC 45 triệu đồng)			2.925.000	293.000	2.632.000		2.227.000	405.000
<b>2. Chi sự nghiệp</b>			<b>95.586.000</b>	<b>2.110.000</b>	<b>81.979.000</b>	<b>11.497.000</b>	<b>91.212.000</b>	<b>2.264.000</b>

<b>a. Sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	<b>L100</b>		<b>74.476.000</b>		<b>62.979.000</b>	<b>11.497.000</b>	<b>72.212.000</b>	<b>2.264.000</b>
<b>a1. Chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của các tổ chức KH-CN</b>	<b>L100-K103</b>	<b>12</b>	<b>10.298.000</b>	<b>0</b>	<b>10.298.000</b>		<b>9.548.000</b>	<b>750.000</b>
<b>a2. Chi nghiên cứu khoa học</b>		<b>16</b>	<b>38.914.000</b>	<b>0</b>	<b>27.417.000</b>	<b>11.497.000</b>	<b>38.914.000</b>	<b>0</b>
+ Danh mục đề tài cấp tỉnh			26.746.982		26.746.982		26.746.982	
Đề tài cấp tỉnh các năm trước chuyển sang 2019	<b>L100-K101</b>		15.250.000		15.250.000		15.250.000	
Đề tài cấp tỉnh xét duyệt mới năm 2019	<b>L100-K101</b>		11.496.982			11.496.982	11.496.982	
+ Danh mục đề tài, dự án cấp huyện ngành cấp	<b>L100-K101</b>		12.167.018		12.167.018		12.167.018	
Danh mục đề tài, dự án cấp huyện ngành cấp tiếp năm 2019	<b>L100-K102</b>		0		0			
Đề tài, dự án cấp huyện ngành xét duyệt mới năm 2019	<b>L100-K101</b>		0		0			
<b>a3. Chi hoạt động khoa học và công nghệ</b>	<b>L100-K103</b>	<b>12</b>	<b>25.264.000</b>		<b>25.264.000</b>		<b>23.750.000</b>	<b>1.514.000</b>
<b>b. Sự nghiệp đào tạo</b>	<b>L070-K085</b>	<b>12</b>	<b>21.110.000</b>	<b>2.110.000</b>	<b>19.000.000</b>		<b>19.000.000</b>	<b>0</b>
Chương trình đào tạo nguồn nhân lực			21.110.000	2.110.000	19.000.000		19.000.000	